

Họ và tên;.....SBD:.....Lớp:.....Phòng:.....

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn 1 phương án.**

**Câu 1. :** Khu vực nào sau đây ở nước ta có tỉ lệ lao động thất nghiệp cao nhất?

- A. Cao nguyên. B. Nông thôn. C. Đồi trung du D. Thành thị.

**Câu 2.** Biện pháp nào sau đây để bảo vệ tài nguyên đất nông nghiệp ở nước ta?

- A. Ngăn chặn nạn du canh, du cư. B. Chống xói mòn đất và ô nhiễm đất  
C. Áp dụng biện pháp nông lâm ngư. D. Chống suy thoái và ô nhiễm đất.

**Câu 3.** Biện pháp để bảo vệ tài nguyên đất nông nghiệp ở vùng đồng bằng là

- A. tổ chức định canh, định cư cho người dân. B. canh tác hợp lí, chống ô nhiễm đất đai.  
C. thực hiện kĩ thuật canh tác trên đất dốc. D. áp dụng biện pháp nông - lâm kết hợp.

**Câu 4.** Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất nào sau đây?

- A. Du lịch. B. Công nghiệp C. Giao thông vận tải. D. Nông nghiệp.

**Câu 5. :** Cho bảng số liệu:

**LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HÀ NỘI VÀ HUẾ**

(Đơn vị: mm)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	18,6	26,2	43,8	90,1	188,5	230,9	288,2	318,0	265,4	130,7	43,4	23,4
Huế	161,3	62,6	47,1	51,6	82,1	116,7	95,3	104,0	473,4	795,6	580,6	297,4

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không đúng** về chế độ mưa của Hà Nội và Huế?

- A. Tháng có mưa lớn nhất ở Hà Nội là tháng VIII, ở Huế tháng X  
B. . Lượng mưa của tháng mưa lớn nhất ở Huế gấp hai lần Hà Nội.  
C. Tháng có mưa nhỏ nhất ở Hà Nội là tháng I, ở Huế tháng III.  
D. Mùa mưa ở Hà Nội từ tháng V - X, ở Huế từ tháng VIII - I.

**Câu 6.** Sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Đông Tây giữa hai khu vực Đông Trường Sơn và Tây Nguyên chủ yếu do

- A. tác động của gió mùa và hướng các dãy núi. B. độ cao địa hình và ảnh hưởng của biển.  
C. độ cao địa hình và hướng các dãy núi. D. ảnh hưởng của biển và lớp phủ thực vật

**Câu 7. :** Cho bảng số liệu:

**TỔNG SỐ DÂN VÀ SỐ DÂN THÀNH THỊ CỦA MỘT SỐ TỈNH, NĂM 2021**

(Đơn vị: nghìn người)

Tỉnh	Hải Dương	Bắc Giang	Khánh Hoà	Đồng Tháp
Số dân	1 807,5	1 691,8	1 232,4	1 693,3
Số dân thành thị	456,8	194,5	555,0	300,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tỉ lệ dân thành thị trong dân số của các tỉnh năm 2021?

- A. Hải Dương thấp hơn Đồng Tháp. B. Bắc Giang cao hơn Khánh Hòa.  
C. Khánh Hòa thấp hơn Hải Dương. D. Đồng Tháp cao hơn Bắc Giang.

**Câu 8.** Cho bảng số liệu:

**DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ TỈNH NĂM 2021**

(Đơn vị: nghìn người)

Tỉnh	Thái Bình	Phú Yên	Kom Tum	Đông Tháp
Số dân	1793	910	535	1 993

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô dân số của một số tỉnh nước ta, năm 2021, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Đường.                      B. Kết hợp.                      C. Tròn.                      D. Cột.

**Câu 9. :** Phát biểu nào sau đây **không đúng** với khí hậu của phần lãnh thổ phía Nam nước ta (từ dãy Bạch Mã trở vào)?

- A. Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn.                      B. Phân hóa hai mùa mưa và khô rõ rệt.  
C. Nền nhiệt độ thiên về khí hậu xích đạo.                      D. Nhiệt độ trung bình năm trên 25<sup>0</sup>C.

**Câu 10.** Nhận định nào sau đây đúng về tài nguyên rừng của nước ta hiện nay?

- A. Diện tích rừng giảm nhanh, liên tục.                      B. Diện tích rừng giàu chiếm tỉ lệ lớn.  
C. Rừng nghèo và mới phục hồi chiếm tỉ lệ lớn.                      D. Chất lượng rừng đã được phục hồi hoàn toàn.

**Câu 11. :** Gió mùa mùa hạ hoạt động ở đồng bằng Bắc Bộ có hướng chủ yếu là

- A. đông nam.                      B. tây nam.                      C. đông bắc.                      D. tây bắc.

**Câu 12. .** Nhận định nào sau đây **không** phải đặc điểm của vị trí địa lí nước ta?

- A. Nằm ở phía tây Thái Bình Dương.                      B. Nằm hoàn toàn trong khu vực nội chí tuyến.  
C. Nằm ở rìa phía đông bán đảo Đông Dương.                      D. Nằm ở trung tâm khu vực Đông Nam Á.

**Câu 13. :** Phát biểu nào sau đây đúng với dân cư ở vùng đồng bằng nước ta?

- A. Có rất nhiều dân tộc ít người.                      B. Chiếm phần lớn số dân cả nước.  
C. Tỉ suất sinh cao hơn miền núi.                      D. Mật độ dân số nhỏ hơn miền núi.

**Câu 14.** Tài nguyên khoáng sản của nước ta đa dạng là do

- A. khí hậu ngày càng lạnh dẫn đến quá trình hoá thạch diễn ra nhanh chóng.  
B. các vận động tạo núi diễn ra liên tục ở giai đoạn Tân kiến tạo.  
C. nằm gần hai vành đai sinh khoáng lớn là Thái Bình Dương và Địa Trung Hải.  
D. nằm trong “vành đai lửa” Thái Bình Dương.

**Câu 15. .** Sự phân hóa thiên nhiên của vùng núi Đông Bắc và Tây bắc chủ yếu là do

- A. ảnh hưởng của biển Đông.                      B. phân bố của các kiểu thảm thực vật.  
C. tác động của gió mùa và hướng núi.                      D. sự phân bố độ cao địa hình.

**Câu 16. ):** Khu vực chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió phơn Tây Nam là

- A. Đông Bắc.                      B. Bắc Trung Bộ.                      C. Tây Bắc.                      D. Tây Nguyên.

**Câu 17.** Chiếm diện tích lớn nhất khu vực đồi núi nước ta là đất

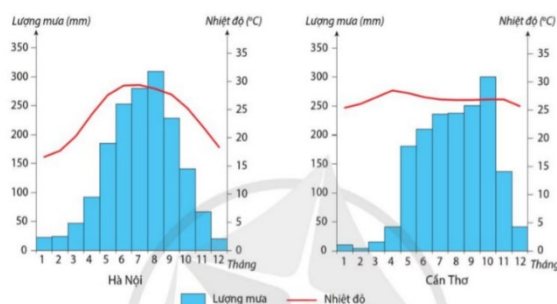
- A. mùn thô                      B. phù sa                      C. feralit.                      D. xám phù sa cổ.

**Câu 18.** Đai cao cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở miền Bắc hạ thấp hơn so với miền Nam chủ yếu vì

- A. có nền địa hình thấp hơn.                      B. có nền nhiệt độ cao hơn.  
C. có nền nhiệt độ thấp hơn.                      D. có nền địa hình cao hơn.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.**

**Câu 1.** Cho biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa ở Hà Nội và Cần Thơ



Hình 3.1. Biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa ở Hà Nội và Cần Thơ

- a) Hà Nội có biên độ nhiệt nhỏ hơn Cần Thơ.
- b) Cần Thơ có mùa khô sâu sắc hơn Hà Nội.
- c) Hà Nội có mùa khô ít sâu sắc hơn là do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc vào cuối mùa đông.
- d) Hà Nội có một số tháng nhiệt độ dưới 20<sup>0</sup>C là do ảnh hưởng của gió Tín phong bán cầu Bắc.

**Câu 2.** Cho bảng số liệu

**Nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình tháng 1 và tháng 7 tại một số địa điểm ở nước ta năm 2022**

(Đơn vị: <sup>0</sup>C)

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình năm	Nhiệt độ trung bình tháng 1	Nhiệt độ trung bình tháng 7
Hà Nội	25,0	18,6	30,6
Huế	25,1	21,6	29,1
Cà Mau	27,8	27,1	27,9

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2022, NXB thống kê Việt Nam, 2023)

a) Biên độ nhiệt năm giảm dần từ Bắc vào Nam do ảnh hưởng của vị trí địa lí, gió mùa, hình dáng lãnh thổ và địa hình.

b) Nhiệt độ trung bình tháng 1 tăng dần từ Bắc vào Nam.

c) Cà Mau có biên độ nhiệt năm cao nhất.

d) Nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội thấp hơn Huế.

**Câu 3.** Đọc đoạn thông tin và chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a), b), c), d) sau đây.

Việt Nam nằm ở phía đông nam của châu Á, trên bán đảo Đông Dương. Phần đất liền nước ta giới hạn từ vĩ độ 8°34'B đến vĩ độ 23°23'B và từ kinh độ 102°09'Đ đến kinh độ 109°28'Đ. Trên Biển Đông, vùng biển nước ta kéo dài từ khoảng vĩ độ 6°50'B và kinh độ 101°Đ đến khoảng kinh độ 117°20'Đ.

a) Vị trí địa lí và hình dáng lãnh thổ đã làm sông ngòi nước ta phần lớn sông nhỏ, nhiều nước, thủy chế theo mùa .

b) Vị trí địa lí tạo thuận lợi cho nước ta phát triển tổng hợp kinh tế biển.

c) Lãnh thổ phần đất liền nước ta kéo dài trên 17 vĩ độ

d) Nước ta nằm hoàn toàn ở nửa cầu Bắc.

**Câu 4.** Cho bảng số liệu:

**DIỆN TÍCH RỪNG NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1943 – 2021**

Năm	1943	2010	2021
<b>Chỉ tiêu</b>			
Tổng diện tích rừng (triệu ha)	14,3	13,4	14,7
- Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha)	14,3	10,3	10,1
- Diện tích rừng trồng (triệu ha)	0	3,1	4,6
Độ che phủ (%)	43,0	39,5	42,0

(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2022)

a) Để thể hiện diện tích rừng tự nhiên dạng biểu đồ tròn thích là hợp nhất.

b) Diện tích rừng nước ta tăng chủ yếu là do tăng diện tích rừng trồng.

c) Tổng diện tích rừng tăng qua các năm.

d) Diện tích rừng nước ta chủ yếu là rừng tự nhiên.

**PHẦN III. Câu hỏi yêu cầu trả lời ngắn (Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6)**

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Nhiệt độ trung bình năm của Lạng Sơn ( tỉnh Lạng Sơn) và Cần Thơ (thành phố Cần Thơ) (<sup>0</sup>C)**

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình năm ( <sup>0</sup> C)
Lạng Sơn (tỉnh Lạng Sơn)	21,3

Cần Thơ (thành phố Cần Thơ)	25,9
-----------------------------	------

(Nguồn: SGK Địa lí 12, Cánh Diều, NXB ĐHSP, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên cho biết: Lạng Sơn và Cần Thơ có chênh lệch nhiệt độ trung bình năm là bao nhiêu? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của  $^{\circ}\text{C}$ ).

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

**Lượng mưa các tháng tại Huế năm 2022** (Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	95,6	70,8	128,3	381	157,3	33,8	61,3	157,5	448,8	1366,5	226,4	786,6

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2022, NXB thống kê Việt Nam, 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng lượng mưa của Huế năm 2022 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm).

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**Nhiệt độ trung bình tháng tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng) năm 2022**

(Đơn vị:  $^{\circ}\text{C}$ )

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	18,6	15,3	23,1	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2023, NXB Thống kê Việt Nam, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính biên độ nhiệt độ năm tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng) năm 2022 (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của  $^{\circ}\text{C}$ ).

**Câu 4.** Năm 2022, thành phố Cần Thơ có diện tích là 1 440,4 km<sup>2</sup>, dân số 1 252,35 nghìn người. Vậy mật độ dân số trung bình ở thành phố Cần Thơ là bao nhiêu người/km<sup>2</sup>? (làm tròn kết quả thành số nguyên)

**Câu 5.** Cho bảng số liệu:

**Nhiệt độ không khí trung bình các tháng tại trạm khí tượng Lạng Sơn**

(Đơn vị:  $^{\circ}\text{C}$ )

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Trạm Lạng Sơn (độ cao 259m; vĩ độ: 9 <sup>o</sup> 11'B)	13,4	15,4	18,3	22,6	25,7	27,2	27,2	26,7	25,4	22,5	18,8	14,7

(Nguồn: Trung tâm thông tin và dữ liệu thủy văn)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính nhiệt độ trung bình năm của Lạng Sơn ( $^{\circ}\text{C}$ ) (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của  $^{\circ}\text{C}$ ).

**Câu 6.** Cho thông tin sau:

Năm 2021, dân số thành thị của nước ta là 36,6 triệu người và dân số nông thôn là 61,9 triệu người. Vậy tỉ lệ dân nông thôn của nước ta năm 2021 là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %)

----HẾT

Họ và tên:.....SBD:.....Lớp:.....Phòng:.....

Mã đề: 002

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn 1 phương án.**

**Câu 1. :** Phát biểu nào sau đây **không đúng** với khí hậu của phần lãnh thổ phía Nam nước ta (từ dãy Bạch Mã trở vào)?

- A. Nền nhiệt độ thiên về khí hậu xích đạo. B. Nhiệt độ trung bình năm trên  $25^{\circ}\text{C}$ .  
C. Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn. D. Phân hóa hai mùa mưa và khô rõ rệt.

**Câu 2.** Biện pháp nào sau đây để bảo vệ tài nguyên đất nông nghiệp ở nước ta?

- A. Áp dụng biện pháp nông lâm ngư. B. Chống xói mòn đất và ô nhiễm đất  
C. Chống suy thoái và ô nhiễm đất. D. Ngăn chặn nạn du canh, du cư.

**Câu 3. :** Cho bảng số liệu:

**LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HÀ NỘI VÀ HUẾ**

(Đơn vị: mm)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	18,6	26,2	43,8	90,1	188,5	230,9	288,2	318,0	265,4	130,7	43,4	23,4
Huế	161,3	62,6	47,1	51,6	82,1	116,7	95,3	104,0	473,4	795,6	580,6	297,4

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không đúng** về chế độ mưa của Hà Nội và Huế?

- A. Tháng có mưa lớn nhất ở Hà Nội là tháng VIII, ở Huế tháng X  
B. Lượng mưa của tháng mưa lớn nhất ở Huế gấp hai lần Hà Nội.  
C. Tháng có mưa nhỏ nhất ở Hà Nội là tháng I, ở Huế tháng III.  
D. Mùa mưa ở Hà Nội từ tháng V - X, ở Huế từ tháng VIII - I.

**Câu 4.** Cho bảng số liệu:

**DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ TỈNH NĂM 2021**

(Đơn vị: nghìn người)

Tỉnh	Thái Bình	Phú Yên	Kom Tum	Đồng Tháp
Số dân	1793	910	535	1 993

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô dân số của một số tỉnh nước ta, năm 2021, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Cột. C. Kết hợp. D. Tròn.

**Câu 5.** Nhận định nào sau đây đúng về tài nguyên rừng của nước ta hiện nay?

- A. Rừng nghèo và mới phục hồi chiếm tỉ lệ lớn. B. Diện tích rừng giàu chiếm tỉ lệ lớn.  
C. Chất lượng rừng đã được phục hồi hoàn toàn. D. Diện tích rừng giảm nhanh, liên tục.

**Câu 6.** Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất nào sau đây?

- A. Du lịch. B. Công nghiệp. C. Giao thông vận tải. D. Nông nghiệp.

**Câu 7.** Biện pháp để bảo vệ tài nguyên đất nông nghiệp ở vùng đồng bằng là

- A. thực hiện kỹ thuật canh tác trên đất dốc. B. áp dụng biện pháp nông - lâm kết hợp.  
C. tổ chức định canh, định cư cho người dân. D. canh tác hợp lí, chống ô nhiễm đất đai.

**Câu 8. :** Khu vực nào sau đây ở nước ta có tỉ lệ lao động thất nghiệp cao nhất?

- A. Đồi trung du. B. Thành thị. C. Nông thôn. D. Cao nguyên.

**Câu 9.** Nhận định nào sau đây **không phải** đặc điểm của vị trí địa lí nước ta?

- A. Nằm ở rìa phía đông bán đảo Đông Dương.                      B. Nằm ở phía tây Thái Bình Dương.  
C. Nằm hoàn toàn trong khu vực nội chí tuyến.                      D. Nằm ở trung tâm khu vực Đông Nam Á.

**Câu 10.** Tài nguyên khoáng sản của nước ta đa dạng là do

- A. các vận động tạo núi diễn ra liên tục ở giai đoạn Tân kiến tạo.  
B. khí hậu ngày càng lạnh dẫn đến quá trình hoá thạch diễn ra nhanh chóng.  
C. nằm gần hai vành đai sinh khoáng lớn là Thái Bình Dương và Địa Trung Hải.  
D. nằm trong “vành đai lửa” Thái Bình Dương.

**Câu 11.** Sự phân hóa thiên nhiên của vùng núi Đông Bắc và Tây bắc chủ yếu là do

- A. ảnh hưởng của biển Đông.    B. phân bố của các kiểu thảm thực vật.  
C. tác động của gió mùa và hướng núi.                                      D. sự phân bố độ cao địa hình.

**Câu 12.** : Gió mùa mùa hạ hoạt động ở đồng bằng Bắc Bộ có hướng chủ yếu là

- A. tây bắc.                                      B. tây nam.                                      C. đông nam.                                      D. đông bắc.

**Câu 13.** : Phát biểu nào sau đây đúng với dân cư ở vùng đồng bằng nước ta?

- A. Chiếm phần lớn số dân cả nước.                                      B. Có rất nhiều dân tộc ít người.  
C. Ti suất sinh cao hơn miền núi.                                      D. Mật độ dân số nhỏ hơn miền núi.

**Câu 14.** : Cho bảng số liệu:

**TỔNG SỐ DÂN VÀ SỐ DÂN THÀNH THỊ CỦA MỘT SỐ TỈNH, NĂM 2021**

(Đơn vị: nghìn người)

Tỉnh	Hải Dương	Bắc Giang	Khánh Hòa	Đồng Tháp
Số dân	1 807,5	1 691,8	1 232,4	1 693,3
Số dân thành thị	456,8	194,5	555,0	300,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tỉ lệ dân thành thị trong dân số của các tỉnh năm 2021?

- A. Khánh Hòa thấp hơn Hải Dương.                                      B. Đồng Tháp cao hơn Bắc Giang.  
C. Bắc Giang cao hơn Khánh Hòa.                                      D. Hải Dương thấp hơn Đồng Tháp.

**Câu 15.** Đai cao cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở miền Bắc hạ thấp hơn so với miền Nam chủ yếu vì

- A. có nền nhiệt độ thấp hơn.                                      B. có nền địa hình cao hơn.  
C. có nền nhiệt độ cao hơn.                                      D. có nền địa hình thấp hơn.

**Câu 16.** Sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Đông Tây giữa hai khu vực Đông Trường Sơn và Tây Nguyên chủ yếu do

- A. tác động của gió mùa và hướng các dãy núi.                                      B. độ cao địa hình và ảnh hưởng của biển.  
C. độ cao địa hình và hướng các dãy núi.                                      D. ảnh hưởng của biển và lớp phủ thực vật

**Câu 17.** ) : Khu vực chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió phơn Tây Nam là

- A. Đông Bắc.                                      B. Bắc Trung Bộ.                                      C. Tây Nguyên.                                      D. Tây Bắc.

**Câu 18.** Chiếm diện tích lớn nhất khu vực đồi núi nước ta là đất

- A. mùn thô.                                      B. feralit.                                      C. xám phù sa cổ.                                      D. phù sa.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.**

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**DIỆN TÍCH RỪNG NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1943 – 2021**

Năm	1943	2010	2021
Chỉ tiêu			
Tổng diện tích rừng (triệu ha)	14,3	13,4	14,7
- Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha)	14,3	10,3	10,1



- Diện tích rừng trồng (triệu ha)	0	3,1	4,6
Độ che phủ (%)	43,0	39,5	42,0

(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2022)

- Diện tích rừng nước ta chủ yếu là rừng tự nhiên.
- Diện tích rừng nước ta tăng chủ yếu là do tăng diện tích rừng trồng.
- Tổng diện tích rừng tăng qua các năm.
- Để thể hiện diện tích rừng tự nhiên dạng biểu đồ tròn thích là hợp nhất.

**Câu 2.** Cho bảng số liệu

**Nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình tháng 1 và tháng 7 tại một số địa điểm ở nước ta năm 2022**

(Đơn vị: °C)

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình năm	Nhiệt độ trung bình tháng 1	Nhiệt độ trung bình tháng 7
Hà Nội	25,0	18,6	30,6
Huế	25,1	21,6	29,1
Cà Mau	27,8	27,1	27,9

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2022, NXB thống kê Việt Nam, 2023)

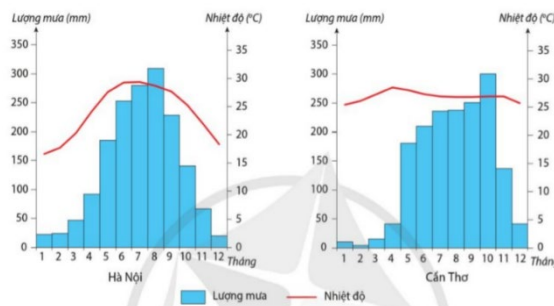
- Cà Mau có biên độ nhiệt năm cao nhất.
- Biên độ nhiệt năm giảm dần từ Bắc vào Nam do ảnh hưởng của vị trí địa lí, gió mùa, hình dáng lãnh thổ và địa hình.
- Nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội thấp hơn Huế.
- Nhiệt độ trung bình tháng 1 tăng dần từ Bắc vào Nam.

**Câu 3.** Đọc đoạn thông tin và chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a), b), c), d) sau đây.

Việt Nam nằm ở phía đông nam của châu Á, trên bán đảo Đông Dương. Phần đất liền nước ta giới hạn từ vĩ độ 8°34'B đến vĩ độ 23°23'B và từ kinh độ 102°09'Đ đến kinh độ 109°28'Đ. Trên Biển Đông, vùng biển nước ta kéo dài từ khoảng vĩ độ 6°50'B và kinh độ 101°Đ đến khoảng kinh độ 117°20'Đ.

- Lãnh thổ phần đất liền nước ta kéo dài trên 17 vĩ độ
- Vị trí địa lí tạo thuận lợi cho nước ta phát triển tổng hợp kinh tế biển.
- Vị trí địa lí và hình dáng lãnh thổ đã làm sông ngòi nước ta phần lớn sông nhỏ, nhiều nước, thủy chế theo mùa.
- Nước ta nằm hoàn toàn ở nửa cầu Bắc.

**Câu 4.** Cho biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa ở Hà Nội và Cần Thơ



Hình 3.1. Biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa ở Hà Nội và Cần Thơ

- Cần Thơ có mùa khô sâu sắc hơn Hà Nội.
- Hà Nội có mùa khô ít sâu sắc hơn là do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc vào cuối mùa đông.
- Hà Nội có một số tháng nhiệt độ dưới 20°C là do ảnh hưởng của gió Tín phong bán cầu Bắc.
- Hà Nội có biên độ nhiệt nhỏ hơn Cần Thơ.

**PHẦN III. Câu hỏi yêu cầu trả lời ngắn (Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6)**

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

Năm 2021, dân số thành thị của nước ta là 36,6 triệu người và dân số nông thôn là 61,9 triệu người. Vậy tỉ lệ dân nông thôn của nước ta năm 2021 là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %)

**Câu 2.** Năm 2022, thành phố Cần Thơ có diện tích là 1 440,4 km<sup>2</sup>, dân số 1 252,35 nghìn người. Vậy mật độ dân số trung bình ở thành phố Cần Thơ là bao nhiêu người/km<sup>2</sup>? (làm tròn kết quả thành số nguyên)

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**Lượng mưa các tháng tại Huế năm 2022 (Đơn vị: mm)**

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	95,6	70,8	128,3	381	157,3	33,8	61,3	157,5	448,8	1366,5	226,4	786,6

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2022, NXB thống kê Việt Nam, 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng lượng mưa của Huế năm 2022 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm).

**Câu 4.** Cho bảng số liệu:

**Nhiệt độ trung bình năm của Lạng Sơn (tỉnh Lạng Sơn) và Cần Thơ (thành phố Cần Thơ) (°C)**

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình năm (°C)
Lạng Sơn (tỉnh Lạng Sơn)	21,3
Cần Thơ (thành phố Cần Thơ)	25,9

(Nguồn: SGK Địa lí 12, Cánh Diều, NXB ĐHSP, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên cho biết: Lạng Sơn và Cần Thơ có chênh lệch nhiệt độ trung bình năm là bao nhiêu? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của °C).

**Câu 5.** Cho bảng số liệu:

**Nhiệt độ không khí trung bình các tháng tại trạm khí tượng Lạng Sơn**

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Trạm Lạng Sơn (độ cao 259m; vĩ độ: 9°11'B)	13,4	15,4	18,3	22,6	25,7	27,2	27,2	26,7	25,4	22,5	18,8	14,7

(Nguồn: Trung tâm thông tin và dữ liệu thủy văn)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính nhiệt độ trung bình năm của Lạng Sơn (°C) (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của °C).

**Câu 6.** Cho bảng số liệu:

**Nhiệt độ trung bình tháng tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng) năm 2022**

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	18,6	15,3	23,1	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2023, NXB Thống kê Việt Nam, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính biên độ nhiệt độ năm tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng) năm 2022 (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của °C).

---HẾT---



Câu hỏi	Mã đề thi			
	001	002	003	004
1	D	C	C	A
2	D	C	D	B
3	B	B	A	B
4	D	B	D	A
5	B	A	D	B
6	A	D	C	B
7	D	D	C	C
8	D	B	B	D
9	A	D	D	C
10	C	C	A	D
11	A	C	B	C
12	D	C	C	D
13	B	A	C	C
14	C	B	C	D
15	C	A	A	C
16	B	A	A	D
17	C	B	C	A
18	C	B	C	A
19	SĐĐS	ĐĐSS	ĐĐSĐ	SĐSĐ
20	ĐĐSĐ	SĐĐĐ	ĐĐĐS	SĐĐĐ
21	ĐĐSĐ	SĐĐĐ	ĐSSĐ	ĐSĐĐ
22	SĐSĐ	ĐĐSS	ĐĐSS	ĐSĐS
23	4,6	62,8	62,8	16,1
24	3914	869	3914	869
25	16,1	3914	869	62,8
26	869	4,6	21,5	3914
27	21,5	21,5	16,1	21,5
28	62,8	16,1	4,6	4,6